

Bản án số: 06 /2020/HS-ST
Ngày 04 tháng 3 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tần

Ông Nguyễn Bá Điền

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Việt Hưng - Thư ký tòa án Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 05/2020/TLST-HS ngày 20/01/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 20/2020/QĐXXST-HS ngày 21/02/2020 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: **NGUYỄN TRỌNG T** Giới tính: Nam;

Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 04 tháng 10 năm 1975 tại thành phố Hà Nội;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh;

Số CMND: **012258491** cấp ngày 26 tháng 01 năm 2008; Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội;

Nơi cư trú: Khu tập thể Z117, xã Đ, huyện S, TP Hà Nội;

Tiền án/tiền sự: Chưa có;

Con ông: Nguyễn Trọng T2, sinh năm 1948; nghề nghiệp: lao động tự do

Con bà: Luyện Thị T3, sinh năm 1948; nghề nghiệp: lao động tự do

đều trú tại: Cộng hòa liên bang Đức

Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai

Vợ: Nguyễn Thị Thanh T4, SN 1977; nghề nghiệp: lao động tự do. Hiện cư trú tại nước Anh.

Con: có 3 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2010 ở cùng mẹ tại nước Anh

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/9/2019 đến ngày 09/9/2019 được áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm. Hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú.

2. Họ tên: **NGUYỄN THỊ V** Giới tính: Nữ;

Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 10 tháng 02 năm 1982 tại: Thanh Oai, TP Hà Nội;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kế toán;
Số CMND: **111695518** cấp ngày 12 tháng 10 năm 2007; Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội;

Nơi cư trú: N005, LK28, Khu đất dịch vụ LK20A-20B, Phường D, Quận H, thành phố Hà Nội;

Tiền án/tiền sự: Chưa có;

Con ông: Nguyễn Cao P, sinh năm 1945 (đã chết)

Con bà: Bùi Thị C, sinh năm 1944; hiện già yếu trú tại: T, TP Hà Nội

Gia đình có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ năm

Chồng: Nguyễn Văn A, sinh năm 1981; nghề nghiệp: lao động tự do, trú tại Phường D, Quận H, thành phố Hà Nội.

Con: có một con sinh năm 2012;

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú.

3. Họ tên: **HOÀNG THỊ X** Giới tính: Nữ;

Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 09 tháng 08 năm 1986 tại: huyện V, tỉnh Lạng Sơn;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kế toán;

Số CMND: **022186003850** cấp ngày 16 tháng 4 năm 2018; Nơi cấp: Cục CSĐKQL cư trú và DLQG về dân cư;

Nơi cư trú: V, M, Thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh;

Tiền án/tiền sự: Chưa có;

Con ông: Hoàng Văn D, Đã chết;

Con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1952; nghề nghiệp: lao động tự do, trú tại: M, Thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là thứ 2

Chồng, con: Chưa có;

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú.

4. Họ tên: **CHU THỊ N** Giới tính: Nữ;

Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 11 tháng 08 năm 1988 tại: Đ, Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kế toán;

Số CMND: **034188006547** cấp ngày 29 tháng 03 năm 2018; Nơi cấp: Cục CSĐKQL cư trú và DLQG về dân cư;

Nơi cư trú: Căn 3944, CT12A, Khu đô thị mới K - K, Phường Đ, Quận H, thành phố Hà Nội;

Tiền án/tiền sự: Chưa có;

Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, hiện đang sinh hoạt đảng tại Chi bộ phố H thuộc Đảng ủy phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái (đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng)

Con ông: Chu Hải Đ, sinh năm 1962; nghề nghiệp: hưu trí

Con bà: Nguyễn Thị Y, sinh năm 1966; nghề nghiệp: hưu trí
đều trú tại thành phố Y, tỉnh Yên Bái

Gia đình có 02 chị em, bị cáo là thứ nhất

Chồng: Trần M, sinh năm 1985; làm việc tại Tổng công ty Đ

Con: có hai con còn nhỏ đều sinh năm 2018;

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú.

5. Họ tên: **BÙI NGỌC H** Giới tính: Nam;

Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 25 tháng 10 năm 1974 tại: Uông Bí, Quảng Ninh;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: lao động tự do

Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: **100697942** cấp ngày 17 tháng 03 năm 2015;

Nơi cấp: Công an tỉnh Quảng Ninh;

Nơi cư trú: Tổ 23, Khu 4, phường T, TP U, tỉnh Quảng Ninh;

Tiền án/tiền sự: Chưa có;

Con ông: Bùi Mạnh T, sinh năm 1942; già yếu

Con bà: Bùi Thị T, sinh năm: 1950; già yếu

Gia đình có 3 anh em, bị cáo là con thứ hai

đều trú tại phường T, TP U tỉnh Quảng Ninh

Vợ: Nguyễn Thu T, sinh năm: 1981; Đã ly hôn;

Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2009; con nhỏ sinh năm 2012 đều ở với mẹ.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/4/2018 đến ngày 17/7/2018 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh. Hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú.

Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quá trình điều tra giai đoạn 1 của vụ án Nguyễn Văn D, Phan Sào N và đồng bọn phạm tội “Sử dụng mạng Internet thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”, “Tổ chức đánh bạc”, “Đánh bạc”, “Mua bán trái phép hóa đơn”, “Rửa tiền”, “Đưa hối lộ” và “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” xảy ra tại Phú Thọ và một số tỉnh thành (Vụ án đã được Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm theo Bản án số 55/2018/HS-ST, ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ và Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử

phức thẩm theo Bản án số 110/2019/HS-PT, ngày 12/03/2019. Đến nay các bản án nêu trên đã có hiệu lực pháp luật). Ngày 06/7/2018, Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Phú Thọ đã ra Quyết định khởi tố bị can đối với bị can Nguyễn Trọng T. Tuy nhiên, do T không có mặt ở địa phương nên Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Phú Thọ đã ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự đối với bị can ngày 17/7/2018. Đến ngày 06/9/2019, bị can T đã ra đầu thú và Cơ quan điều tra đã ra Quyết định phục hồi điều tra vụ án hình sự đối với bị can. Quá trình điều tra đã làm rõ hành vi Mua bán trái phép hóa đơn của T và các đồng phạm, như sau:

Năm 2008, Nguyễn Trọng T, sinh năm 1975, trú tại: Khu tập thể Z117, xã Đ, huyện S, Thành phố Hà Nội thành lập Công ty cổ phần L, có trụ sở tại: số 49, đường T, Phường T, Quận C, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 03/11/2008. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính là sản xuất, buôn bán thiết bị và dịch vụ viễn thông (trong đó có kinh doanh thẻ viễn thông). Nguyễn Trọng T giữ vai trò Chủ tịch Hội đồng quản trị, thuê anh Trần Mạnh Q, sinh năm 1982, trú tại: Phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, làm Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật từ 03/11/2008 đến ngày 21/06/2010; thuê anh Phạm Thế T, sinh năm 1977, trú tại: Phường T, Quận Đ, thành phố Hà Nội, làm Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật từ năm 22/6/2010 đến ngày 07/01/2016 và thuê Bùi Ngọc H, sinh năm 1974, trú tại: tổ 23, Khu 4, Phường T, TP. U, tỉnh Quảng Ninh, làm Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật từ 08/01/2016 đến tháng 5/2018. Thực tế mọi hoạt động của công ty đều do T chỉ đạo, điều hành trực tiếp.

Năm 2014, Phan Sào N, sinh năm 1979, trú tại: Số 26/12, N, Phường Đ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc - Công ty cổ phần V (*viết tắt là Công ty V*) cùng với Nguyễn Văn D, sinh năm 1975, hộ khẩu thường trú tại: Số 190, đường L, Phường T, Quận Đ, TP Hà Nội; chỗ ở số 2003, Chung cư V, Phường L, Quận H, TP Hà Nội, Chủ tịch Hội đồng thành viên - Công ty TNHH C, Hoàng Thành Tr, sinh năm 1978, trú tại: Số 1208, N02, Chung cư 282, Phường L, Quận H, TP Hà Nội, Phó Giám đốc Công ty TNHH N phối hợp phát hành hệ thống game bài RikVIP (sau đổi tên thành Tip.Club) để tổ chức đánh bạc trực tuyến.

Đến đầu năm 2016, do phát sinh nhu cầu trả thưởng bằng tiền mặt cho các đối tượng đánh bạc thông qua hệ thống đại lý của game bài RikVIP và muốn hợp thức nguồn tiền doanh thu từ hoạt động tổ chức đánh bạc trực tuyến của Công ty V, nên Phan Sào N gặp Nguyễn Trọng T để trao đổi và đề nghị mua hóa đơn giá trị gia tăng “*khống*” (không có hàng hóa) của Công ty CP L để “*xử lý chi phí*” cho Công ty V thông qua hợp đồng đại lý phân phối mã thẻ điện tử và dịch vụ Topup số 0203/2015/HĐKT/V-LG, ngày 14/4/2015 mà hai công ty đã ký và thực hiện từ trước. Khi trao đổi với Nguyễn Trọng T về việc mua hóa đơn giá trị gia tăng (*viết tắt là GTGT*) “*khống*”, Phan Sào N chỉ nói là có nhu cầu mua hóa đơn GTGT

“khổng” của Công ty cổ phần L để hợp thức chứng từ đầu vào cho Công ty V. Phan Sào N không nói cho Nguyễn Trọng T biết nguồn gốc số tiền cần xử lý chi phí là doanh thu từ hoạt động tổ chức đánh bạc trực tuyến của Công ty V. Do được hưởng lợi, nên Nguyễn Trọng T đồng ý bán hóa đơn GTGT “khổng” của Công ty cổ phần L cho Công ty V theo đề nghị của Phan Sào N. Phan Sào N và Nguyễn Trọng T thỏa thuận về phương thức thực hiện như sau: Sau khi Công ty V gửi đơn hàng và chuyển khoản tiền thanh toán vào tài khoản của Công ty cổ phần L. Công ty cổ phần L sẽ xuất hóa đơn GTGT “khổng” theo đơn đặt hàng, sau đó rút séc tiền mặt và chuyển trả lại cho Phan Sào N theo các số tài khoản cá nhân do Phan Sào N chỉ định. Công ty cổ phần L được hưởng khoảng 0,1% (tỷ lệ % không cố định mà thay đổi theo thời điểm và số lượng hàng hóa) trên tổng doanh số ghi trên hóa đơn GTGT “khổng”.

Sau khi thỏa thuận với Phan Sào N, Nguyễn Trọng T trao đổi, bàn bạc với Nguyễn Thị V, sinh năm 1982, trú tại: N05, LK28, Khu đất dịch vụ LK20A-20B, phường D, Quận H, thành phố Hà Nội - Kế toán trưởng Công ty cổ phần L về tỷ lệ %, chi phí và cách thức hợp thức chứng từ tại Công ty cổ phần L khi bán hóa đơn GTGT “khổng” cho Công ty V. Để rút được tiền mặt trả lại cho Công ty V theo thỏa thuận giữa Nguyễn Trọng T và Phan Sào N, Nguyễn Thị V đề xuất Nguyễn Trọng T hạch toán bằng cách lập các chứng từ thu tiền với nội dung vay tiền của các cá nhân là nhân viên của Công ty cổ phần L để nhập hàng. Khi có tiền chuyển khoản từ Công ty V sang tài khoản Công ty cổ phần L, các nhân viên công ty sẽ sử dụng séc rút tiền về nhập quỹ tiền mặt của Công ty cổ phần L. Sau đó, sử dụng chứng từ chi tiền với nội dung trả nợ các khoản vay của nhân viên để rút tiền ra khỏi quỹ tiền mặt của công ty và nộp vào các tài khoản cá nhân do phía Công ty V chỉ định.

Sau khi thỏa thuận với Nguyễn Trọng T, Phan Sào N giao cho Bùi Thị Ng, sinh năm 1984 trú tại: P804 - CT6 - Khu đô thị Đ, G, Hà Nội là kế toán phụ trách kinh doanh thẻ viễn thông của Công ty V, cũng là đầu mối thực hiện hợp đồng đại lý phân phối mã thẻ điện tử và dịch vụ Topup số 0203/2015/HĐKT/V-LG, ngày 14/4/2015, lập đơn hàng đặt mua mã thẻ viễn thông. Khi có nhu cầu “xử lý chi phí” bằng hóa đơn GTGT “khổng” của Công ty cổ phần L, Phan Sào N gửi Email thông báo số lượng mã thẻ viễn thông cần mua và yêu cầu Bùi Thị Ng soạn đơn đặt hàng gửi cho Công ty cổ phần L qua Email để thực hiện việc mua hàng. Phan Sào N không trao đổi, bàn bạc hoặc nói bất cứ thông tin gì với Bùi Thị Ng về việc đơn đặt hàng mua mã thẻ viễn thông của Công ty CP L là đơn mua hàng hóa “khổng”. Sau đó, Phan Sào N gửi Email cho Bùi Thị Ng và yêu cầu Ng chuyển tiếp Email hoặc thông báo nội dung Email của N qua điện thoại cho đầu mối phía Công ty cổ phần L. Nội dung các Email của Phan Sào N gửi cho Ng đều có số tài khoản và số tiền kèm theo, nhưng Ng không biết để làm gì. Đồng thời, Phan Sào N yêu cầu Ng cung cấp số tài khoản cá nhân của Ng cho đầu mối Công ty cổ phần L để nhận lại tiền chênh lệch đơn hàng và mã thẻ lỗi. Khi nhận được tiền trả lại

vào tài khoản cá nhân của mình, Ng đều chuyển vào tài khoản của Công ty V với nội dung “*Bui thi ng nop tien ban hang*” theo chỉ đạo của Phan Sào N.

Phương thức mua bán hóa đơn GTGT “khống” giữa Công ty cổ phần L và Công ty V được thực hiện như sau: Bùi Thị Ng - kế toán Công ty V gửi đơn đặt hàng qua Email ng.bui@vtc.vn đến Email của kế toán Công ty cổ phần L là kt.L@gmail.com và chuyển tiếp Email hoặc gọi điện thoại thông báo danh sách các tài khoản cá nhân; số tiền tương ứng của các tài khoản theo yêu cầu của Phan Sào N. Theo chỉ đạo của Nguyễn Trọng T, Nguyễn Thị V, Hoàng Thị X, sinh năm 1986, trú tại: Phường M, TX Đ, tỉnh Quảng Ninh - kế toán tổng hợp Công ty cổ phần L sẽ tiếp nhận các đơn đặt hàng “khống” của Công ty V kèm theo danh sách các tài khoản cá nhân và số tiền tương ứng. Hoàng Thị X có trách nhiệm rà soát trên phần mềm kế toán nội bộ của Công ty cổ phần L để xác định có đủ doanh số hóa đơn GTGT đầu ra (Doanh số khách hàng không lấy hóa đơn GTGT) để bán hóa đơn GTGT “khống” theo yêu cầu của Công ty V hay không. Nếu không đủ thì X báo cáo cho Nguyễn Trọng T, Nguyễn Thị V biết để chỉ đạo đẩy doanh số bán hàng cho phù hợp hoặc Nguyễn Trọng T liên hệ với Phạm Thanh H1, sinh năm 1963; trú tại: Tổ 32, Khu 6B, Phường X, TX S, TP Hà Nội để mua hóa đơn GTGT “khống” của Công ty TNHH TM và DV M nhằm hợp thức hàng hóa đầu vào cho đủ doanh số xuất bán “khống” hàng hóa cho Công ty V. Sau đó, Hoàng Thị X chuyển đơn hàng “khống” của Công ty V cho Đỗ Thị Hồng Y, sinh năm 1985, trú tại 365, đường A, Phường N, Quận T, TP Hà Nội, kế toán quản lý hóa đơn Công ty cổ phần L để Y làm căn cứ lập hóa đơn xuất cho Công ty V theo quy trình xuất hóa đơn của Công ty cổ phần L và báo cho Chu Thị N, sinh năm 1988, trú tại Căn 3944, CT12A, Khu đô thị mới K - K, Phường Đ, Quận H, thành phố Hà Nội - kế toán tài chính Công ty cổ phần L theo dõi tiền trên tài khoản Công ty cổ phần L. Khi Công ty V chuyển tiền thanh toán theo đơn hàng “khống”, Ngọc sẽ báo lại cho Hoàng Thị X để Xuân tính toán chi phí Công ty cổ phần L được hưởng theo tỷ lệ % và số tiền trả lại cho Công ty V thông qua các tài khoản cá nhân được chỉ định theo chỉ đạo của Nguyễn Trọng T và Nguyễn Thị V. Sau khi tính toán, X thông báo cho Chu Thị N biết số liệu để N viết séc (séc đã có chữ ký của giám đốc Bùi Ngọc H, kế toán trưởng Nguyễn Thị V) và giao cho các nhân viên công ty như: Bùi Ngọc H; Nguyễn Trọng B sinh năm 1948, trú tại: Phòng 104A6, thị trấn tập thể N, quận Đ, TP Hà Nội; Nguyễn Văn Th sinh năm 1985, trú tại: xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; Đỗ Thành C sinh năm 1982, trú tại: Phòng 419, nhà N9, khu tập thể 212 Kỹ thuật quân sự, phường X, quận b, thành phố Hà Nội ... thực hiện việc rút tiền và nộp tiền vào các tài khoản cá nhân theo chỉ định của Công ty V. Một số lần khi nhân viên đi vắng thì Nguyễn Thị V, Chu Thị N, Hoàng Thị X trực tiếp thực hiện việc rút séc, chuyển tiền, nộp tiền trả lại Công ty V. Số tiền còn lại sau khi đã giữ lại theo tỷ lệ % mà Công ty L được hưởng, Chu Thị N sẽ nộp vào tài khoản cá nhân của Bùi Thị Ng thông qua 02 tài khoản cá nhân số 03101011907807 của Bùi Ngọc H và số 03101012507156 của Đỗ Thành C mở tại Ngân hàng M (đây là 2

tài khoản cá nhân nhưng do Công ty CP L quản lý, sử dụng) để trả lại Công ty V theo chỉ đạo của Nguyễn Trọng T.

Đối với việc mua hóa đơn GTGT “không” của Công ty TNHH TM và DV M. Do có mối quan hệ mua bán thẻ viễn thông với Phạm Thanh H1 - kế toán trưởng Công ty TNHH TM và DV M, nên Nguyễn Trọng T đã đề nghị H1 bán hóa đơn GTGT “không” của Công ty TNHH TM và DV M cho Công ty CP L để hợp thức hàng hóa đầu vào và được H1 đồng ý. Phương thức mua bán hóa đơn GTGT “không” giữa Công ty CP L và Công ty TNHH TM và DV M được thực hiện như sau: Khi có nhu cầu mua hóa đơn GTGT “không” để hợp thức hàng hóa đầu vào để xuất hóa đơn GTGT “không” cho Công ty V hoặc hợp thức hàng hóa mua trôi nổi trên thị trường không có hóa đơn, Nguyễn Trọng T chỉ đạo Hoàng Thị X liên hệ với Phạm Thanh H1 để thông báo số lượng hàng hóa là thẻ viễn thông cần nâng “không”. Phạm Thanh H1 sẽ căn cứ vào hàng hóa mua bán thực tế giữa hai công ty để nâng “không” doanh số bán hàng; trong đó mỗi tờ hóa đơn GTGT “không” Công ty TNHH TM và DV M xuất cho Công ty CP L đều có một phần doanh số thật và một phần doanh số “không”. Phạm Thanh H1 đã ký, đóng dấu sẵn séc, giấy giới thiệu của Công ty TNHH TM và DV M nhưng để trống tên người và số tiền rút để Công ty CP L tự nộp tiền thanh toán đơn đặt hàng “không” và tự rút tiền từ séc của Công ty TNHH TM và DV M nhằm hợp thức việc thanh toán đơn hàng. Sau đó, Phạm Thanh H1 hoàn thiện các chứng từ như đơn đặt hàng, biên bản bàn giao hàng hóa ... và gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh của bưu điện cho Công ty CP L. Theo Phạm Thanh H1 và kế toán Công ty CP L khai nhận: Việc mua bán hóa đơn GTGT “không” giữa Công ty CP L và Công ty TNHH TM và DV M ban đầu có thỏa thuận chi phí, tuy nhiên thực tế khi mua bán hàng hóa với nhau Công ty CP L không phải trả phí mua hóa đơn GTGT “không” cho Công ty TNHH TM và DV M.

Tất cả các hóa đơn GTGT “không” mua của Công ty TNHH TM và DV M và hóa đơn GTGT “không” bán cho Công ty V đều được Công ty CP L kê khai hàng hóa mua vào, bán ra và hạch toán, báo cáo với cơ quan thuế theo quy định.

Căn cứ tài liệu điều tra đủ cơ sở xác định:

- Từ ngày 25/02/2016 đến ngày 30/8/2016, Công ty CP L đã xuất bán **49** hóa đơn GTGT “không” cho Công ty V với tổng doanh số là **740.815.530.000đ**. Sau khi nhận tiền thanh toán từ Công ty V, Công ty CP L đã rút tiền mặt và trả lại cho Công ty V thông qua các tài khoản cá nhân do Phan Sào N chỉ định, gồm: Các tài khoản của Nguyễn Thành L sinh năm 1987, trú tại tổ 77, khu 9, phường C, TP H, tỉnh Quảng Ninh; Nguyễn Quốc T sinh năm 1990, trú tại tổ 10, khu H, phường C, TP C, tỉnh Quảng Ninh; Hoàng Ngọc T sinh năm 1982, trú tại tổ 29, khu Đ 2, phường Cẩm Đông, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; Hoàng Ngọc T2 sinh năm 1986, trú tại tổ 29, khu Đ 2, phường C, TP C, tỉnh Quảng Ninh; Đỗ Thế S sinh năm 1975, trú tại: P8-B10 T 1, phường N, quận B, TP Hà Nội với tổng số tiền là: **737.498.900.000đ**; tài khoản của Bùi Thị Ng là **2.773.625.000đ**. Công ty CP L được hưởng lợi số tiền là **543.005.000đ** từ việc bán hóa đơn GTGT “không” cho Công ty V.

Điều tra đối với các tài khoản cá nhân nhận tiền, xác định: Các tài khoản Nguyễn Thành L, Nguyễn Quốc T, Hoàng Ngọc T, Hoàng Ngọc T2 là tài khoản sử dụng cho “Đại lý tổng” của hệ thống game bài RikVip do Lê Anh T, sinh năm 1978, trú tại Tổ 3, Khu 8, Phường C, TP C, tỉnh Quảng Ninh và Hoàng Ngọc T, sinh năm 1982 trú tại Tổ 29, Đ 2, Phường C, TP C, tỉnh Quảng Ninh. Các bị can Lê Anh T và Hoàng Ngọc T đã bị khởi tố điều tra về hành vi “Tổ chức đánh bạc” và đã bị xử lý trong giai đoạn 1 của vụ án, trong đó Hoàng Ngọc T đang bỏ trốn và bị truy nã về hành vi “Tổ chức đánh bạc”. Tài khoản của Đỗ Thế S được Phan Sào N sử dụng để nhận tiền và chuyển đến cho Phan Thu H (đi ruột của Phan Sào N) để đầu tư mua bất động sản và sử dụng cá nhân cho Phan Sào N. Phan Thu H đã bị khởi tố, điều tra và xử lý trong giai đoạn 1 vụ án về hành vi “Rửa tiền”.

- Từ tháng 5/2016 đến tháng 7/2017, Công ty CP L đã mua tổng số **52** tờ hóa đơn nâng “khổng” thêm doanh số của Công ty TNHH TM và DV M, với tổng giá trị **469.067.233.000đ**, trong đó giá trị nâng “khổng” thêm là: **381.900.000.000đ**. Công ty CP L sử dụng **151.200.000.000đ** trong số doanh số nâng “khổng” thêm, tương ứng với **19** tờ hóa đơn GTGT của Công ty TNHH TM và DV M để hợp thức doanh số đầu vào hàng hóa ghi nhận “khổng” trên hóa đơn GTGT xuất cho Công ty V. Còn lại **33** tờ hóa đơn GTGT nâng “khổng” thêm doanh số với giá trị là **230.700.000.000đ**, Công ty CP L sử dụng để hợp thức doanh số đầu vào cho hàng hóa là thẻ viễn thông mua trôi nổi trên thị trường không có hóa đơn GTGT. Đối với số hóa đơn GTGT của Công ty TNHH TM và DV M, Công ty CP L không phải trả chi phí.

Trong vụ án này:

- **Nguyễn Trọng T:** là người trực tiếp, quyết định việc bán hóa đơn GTGT “khổng” của Công ty CP L cho Công ty V, thể hiện ở việc T trao đổi, thống nhất với Phan Sào N về tỷ lệ %, chi phí và cách thức thực hiện việc mua, bán hóa đơn GTGT “khổng” giữa 02 Công ty. Sau đó, T trao đổi và chỉ đạo cho kế toán, gồm: Nguyễn Thị V - kế toán trưởng; Hoàng Thị X - kế toán tổng hợp, Chu Thị N - kế toán thanh toán thực hiện xuất hóa đơn “khổng” cho Công ty V. Ngoài ra, để hợp thức doanh số hàng hóa đầu vào đối với hàng hóa ghi nhận trên hóa đơn GTGT “khổng” xuất cho Công ty V và số hàng hóa là thẻ viễn thông mua trôi nổi trên thị trường, Nguyễn Trọng T liên hệ, rồi chỉ đạo cho Hoàng Thị X - kế toán Công ty CP L mua hóa đơn GTGT “khổng” của Công ty TNHH TM và DV M. Do vậy, Nguyễn Trọng T phải chịu trách nhiệm là người chỉ đạo trong việc bán **49** hóa đơn GTGT “khổng” cho Công ty V với tổng doanh số là **740.815.530.000đ** và mua **52** tờ hóa đơn GTGT “khổng” của Công ty TNHH TM và DV M với tổng doanh số **469.067.233.000đ**.

- **Nguyễn Thị V:** là Kế toán trưởng của Công ty CP L, đáng lẽ với vai trò là Kế toán trưởng, Nguyễn Thị V phải tham mưu, giúp việc cho Nguyễn Trọng T trong quản lý hoạt động kinh doanh và hạch toán chứng từ sổ sách của công ty theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, khi được Nguyễn Trọng T trao đổi,

bàn bạc về việc Công ty CP L xuất bán hóa đơn GTGT “khống” cho Công ty V, Nguyễn Thị V không ngăn cản, mà lại thống nhất cùng thực hiện với T trong việc tính toán để xác định tỉ lệ % Công ty CP L được hưởng; cách hợp thức chứng từ khi xuất “khống” hóa đơn GTGT cho Công ty V. Sau đó, Nguyễn Thị V trực tiếp tham gia vào các khâu bán hóa đơn GTGT “khống”, như: Tiếp nhận thông tin về đơn hàng “khống” của Công ty V; giao cho Hoàng Thị X, Chu Thị N thực hiện việc xuất “khống” hóa đơn GTGT; trực tiếp ký vào séc rút tiền (mục kế toán trưởng) và trực tiếp thực hiện một số giao dịch rút tiền từ tài khoản Công ty CP L, rồi nộp lại vào tài khoản các cá nhân do đầu mỗi Công ty V chỉ định. Sau đó, với vai trò Kế toán trưởng, Nguyễn Thị V giúp Nguyễn Trọng T hạch toán hợp thức chứng từ đối với việc bán hóa đơn GTGT “khống” của Công ty CP L cho Công ty V, thông qua các bút toán trung gian vay và trả tiền vay của các cá nhân; hạch toán số hóa đơn GTGT “khống” của Công ty TNHH TM và DV M để hợp thức doanh số hàng hóa đầu vào. Khi thực hiện hành vi giúp sức cho Nguyễn Trọng T trong việc bán 49 hóa đơn GTGT “khống” cho Công ty V và mua 52 hóa đơn GTGT “khống” của Công ty TNHH TM và DV M, Nguyễn Thị V có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ đó là hành vi vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích vụ lợi, nên đã thực hiện với lỗi cố ý.

- **Hoàng Thị X:** là kế toán tổng hợp Công ty CP L, đáng lẽ với vai trò và nhiệm vụ của mình Hoàng Thị X phải giúp việc cho Nguyễn Thị V - kế toán trưởng và Nguyễn Trọng T trong quản lý hoạt động kinh doanh và hạch toán chứng từ, sổ sách của công ty theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, khi được Nguyễn Trọng T và Nguyễn Thị V trao đổi, chỉ đạo về việc xuất, bán hóa đơn GTGT “khống” cho Công ty V, X không từ chối mà đồng ý thực hiện. Sau đó, Hoàng Thị X trực tiếp tham gia vào các khâu mua, bán hóa đơn GTGT “khống”, như: Tiếp nhận thông tin về đơn hàng “khống” của Công ty V; rà soát và đề xuất hợp thức doanh số hàng hóa đầu vào để đủ điều kiện xuất bán hóa đơn GTGT “khống” cho Công ty V; tính toán để xác định chi phí Công ty CP L được hưởng và cung cấp số liệu cho Chu Thị N thực hiện việc rút séc và nộp tiền trả lại cho Công ty V; trực tiếp thực hiện một số giao dịch rút tiền từ tài khoản Công ty CP L, rồi nộp lại vào tài khoản các cá nhân của Công ty V; giao đơn hàng “khống” của Công ty V cho Đỗ Thị Hồng Y - kế toán quản lý hóa đơn Công ty CP L để Yến làm căn cứ lập hóa đơn xuất cho Công ty V. Khi thực hiện hành vi giúp cho Nguyễn Trọng T trong việc bán 49 hóa đơn GTGT “khống” cho Công ty V và mua 52 hóa đơn GTGT “khống” của Công ty TNHH TM và DV M, Hoàng Thị X có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ đó là hành vi vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích vụ lợi, nên đã thực hiện với lỗi cố ý.

- **Chu Thị N:** là kế toán thanh toán Công ty CP L, đáng lẽ với vai trò và nhiệm vụ của mình Chu Thị N phải giúp việc cho Nguyễn Thị V - kế toán trưởng và Nguyễn Trọng T trong quản lý hoạt động kinh doanh của công ty theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, khi được Nguyễn Thị V và Hoàng Thị X trao

đổi về việc xuất, bán hóa đơn GTGT “khống” cho Công ty V, N không từ chối mà đồng ý thực hiện. Sau đó, Chu Thị N trực tiếp tham gia vào các khâu mua, bán hóa đơn GTGT “khống”, như: Trực tiếp viết Séc rút tiền từ tài khoản Công ty CP L hoặc viết ủy nhiệm chi chuyển tiền từ tài khoản Công ty CP L sang tài khoản Công ty TNHH TM và DV M và giao cho nhân viên là Bùi Ngọc H, Đỗ Thành C, Nguyễn Trọng B, Nguyễn Văn Th thực hiện rút tiền, nộp tiền trả lại cho Công ty V; trực tiếp thực hiện một số giao dịch rút tiền từ tài khoản Công ty CP L, rồi nộp lại vào tài khoản các cá nhân của Công ty V. Khi thực hiện hành vi giúp cho Nguyễn Trọng T trong việc bán **49** hóa đơn GTGT “khống” cho Công ty V và mua **52** hóa đơn GTGT “khống” của Công ty TNHH TM và DV M, Chu Thị N có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ đó là hành vi vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích vụ lợi, nên đã thực hiện với lỗi cố ý.

- **Bùi Ngọc H:** là Giám đốc, đại diện theo pháp luật của Công ty CP L từ ngày 08/01/2016 đến 5/2018. Với vai trò là Giám đốc, chủ tài khoản, người đại diện theo pháp luật - Công ty CP L, Bùi Ngọc H nhận thức được giữa Công ty V và Công ty CP L không có việc mua bán hàng là thẻ viễn thông theo các đơn đặt hàng mà chỉ có việc Công ty V chuyển tiền thanh toán theo các đơn đặt hàng “khống” và Công ty CP L xuất hóa đơn GTGT “khống” và thực hiện việc trả lại tiền cho Công ty V. Khi được Chu Thị N, Nguyễn Thị V yêu cầu ký séc rút tiền từ Công ty CP L hoặc ký ủy nhiệm chi chuyển tiền sang Công ty TNHH TM và DV M, H không từ chối mà đồng ý thực hiện. Bùi Ngọc H trực tiếp tham gia vào các khâu mua, bán hóa đơn GTGT “khống”, như: Ký séc rút tiền (mục chủ tài khoản) từ Công ty CP L hoặc ký ủy nhiệm chi chuyển tiền sang Công ty TNHH TM và DV M; trực tiếp thực hiện việc rút séc, nộp tiền, chuyển tiền để trả lại cho Công ty V. Khi thực hiện hành vi giúp cho Nguyễn Trọng T trong việc bán **49** hóa đơn GTGT “khống” cho Công ty V và mua **52** hóa đơn GTGT “khống” của Công ty TNHH TM và DV M, Bùi Ngọc H có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ đó là hành vi vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích vụ lợi, nên đã thực hiện với lỗi cố ý.

Tại cơ quan An ninh điều tra, các bị can Nguyễn Trọng T, Nguyễn Thị V, Hoàng Thị X, Chu Thị N, Bùi Quốc H đã khai nhận hành vi phạm tội của bản thân. Lời khai của các bị can phù hợp với lời khai của Phan Sào N, Phan Thu H, Bùi Thị Ng, Kim Thanh T, Lê Văn K, Phạm Thanh H1, Nguyễn Trọng B, Nguyễn Văn Th, Đỗ Thành C ... và các tài liệu, chứng cứ khác.

Đối với các đối tượng khác có liên quan đến vụ án:

- **Đối với Phan Sào N**, sinh năm 1979, trú tại: M10, Khu đô thị V, Phường P, Quận 9, TP Hồ Chí Minh - Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty V: là người trực tiếp liên hệ, trao đổi, thỏa thuận với Nguyễn Trọng T mua hóa đơn GTGT “khống” của Công ty CP L để “xử lý” doanh thu từ hoạt động tổ chức đánh bạc trực tuyến tại Công ty V, nhằm rút tiền ra khỏi Công ty V để sử dụng trả thưởng bằng tiền mặt cho các đối tượng đánh bạc thông qua hệ thống đại lý của game bài RikVip và sử dụng cá nhân. Hành vi của Phan Sào N đã phạm tội “Tổ chức đánh

bạc”, quy định tại Điều 249 - BLHS và tội “Rửa tiền”, quy định tại Điều 251 BLHS.

- **Đối với Phan Thu H**, sinh năm 1961, trú tại: Nhà G02, Phòng số 02, Tầng 20, Khu đô thị N, Phường X, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội: là người tiếp nhận số tiền 236.069.275.930đ từ tài khoản của Đỗ Thế S, có nguồn gốc từ doanh thu hoạt động tổ chức đánh bạc của Công ty V, được hợp thức qua việc mua hóa đơn GTGT “khống” của Công ty CP L. Sau đó, Phan Thu H đã cất giữ, đầu tư theo yêu cầu của Phan Sào N. Hành vi của Phan Thu H đủ yếu tố cấu thành tội “Rửa tiền” quy định tại Điều 251 BLHS.

- **Đối với Phạm Thanh H1**, sinh năm 1963, trú tại: Tổ 32, Khu 6B, Phường X, TX S, TP Hà Nội: là người điều hành Công ty TNHH TM và DV M, trực tiếp thỏa thuận với Nguyễn Trọng T và xuất bán 52 tờ hóa đơn “khống” với tổng doanh số 469.067.233.000đ cho Công ty CP L. Hành vi của Phạm Thanh H1 đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại Điều 203 - BLHS.

Tuy nhiên, hành vi của Phan Sào N, Phan Thu H và Phạm Thanh H1 đã bị điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm theo Bản án số 55/2018/HS-ST, ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, xét xử phúc thẩm theo Bản án hình sự phúc thẩm số 110/2019/HS-PT, ngày 12/03/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội; bản án đã có hiệu lực pháp luật. Do vậy, Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Phú Thọ không đề cập xử lý hành vi phạm tội của Phan Sào N, Phan Thu H và Phạm Thanh H1 trong vụ án này.

- **Đối với Trần Phương H**, sinh năm 1979, trú tại số 85, V, Phường Thanh X, Quận T, TP Hà Nội: Từ tháng 4/2015 đến tháng 7/2017, Trần Phương H là Giám đốc thường trực của Công ty V, được Phan Sào N ủy quyền thực hiện ký kết các văn bản, chứng từ tài chính, hợp đồng, ủy nhiệm chi ... phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty V. Căn cứ giấy ủy quyền của Phan Sào N, từ tháng 02/2016 đến tháng 8/2016, Trần Phương H ký một số đơn đặt hàng và ký các ủy nhiệm chi thanh toán đơn hàng mua mã thẻ viễn thông của Công ty CP L theo đề nghị của bộ phận kế toán và xác nhận của Phan Sào N theo quy định. Với vai trò là Giám đốc thường trực của Công ty V, nên Trần Phương H xác định đó là công việc của mình và ký các chứng từ cho Công ty V phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Mặt khác, Phan Sào N không trao đổi, bàn bạc hoặc nói bất cứ thông tin gì cho Trần Phương H biết các hóa đơn GTGT phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng mua thẻ viễn thông của Công ty CP L là hóa đơn GTGT “khống”. Vì vậy, hành vi của Trần Phương H không đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép hóa đơn”. Cho nên, Cơ quan An ninh điều tra không đề nghị xử lý đối với Trần Phương H.

- **Đối với Lê Văn K**, sinh năm 1978, trú tại Số 3, Lô G, Tổ 55, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận H, TP Hà Nội: Trong thời gian từ tháng 5/2015 đến tháng 8/2016, Lê Văn K là kế toán tổng hợp của Công ty V. Tài liệu điều tra xác định trong giai đoạn từ tháng 02/2016 đến tháng 8/2016 (giai đoạn Rikvip), Lê Văn K không

liên quan đến việc Công ty V mua bán hóa đơn trái phép với Công ty CP L. Quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, khi Bùi Thị Ng trình ký các phiếu kế toán mua thẻ viễn thông của Công ty CP L thì căn cứ vào bộ hồ sơ kế toán gồm: đơn đặt hàng; biên bản giao nhận hàng hóa và hóa đơn GTGT của Công ty CP L, K ký xác nhận vào phiếu kế toán để hạch toán kế toán cho Công ty V theo quy định. Phan Sào N không trao đổi, thông báo gì cho Lê Văn K về việc mua hóa đơn GTGT “không” của Công ty CP L để hợp thức chứng từ. Mặt khác, lời khai của Nguyễn Thị V, Hoàng Thị X - kế toán Công ty CP L phản ánh chỉ liên hệ, trao đổi với Bùi Thị Ng - kế toán Công ty V; không trao đổi Lê Văn K trong quá trình bán hóa đơn GTGT “không” cho Công ty V. Vì vậy, hành vi của Lê Văn K không đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép hóa đơn”. Cho nên, Cơ quan An ninh điều tra không đề nghị xử lý đối với Lê Văn K về hành vi “Mua bán trái phép hóa đơn”.

Tuy nhiên, trong thời gian từ tháng 9/2016 đến tháng 8/2017 (giai đoạn Tip.Club), Lê Văn K là Kế toán trưởng của Công ty V, được Phan Sào N giao việc mua thẻ viễn thông phục vụ nhu cầu trả thưởng cho game bài Tip.Club. K trực tiếp liên hệ, trao đổi với Nguyễn Thị V - Kế toán trưởng Công ty CP L để mua hàng bằng tiền mặt, không có hóa đơn, chứng từ (vì doanh thu game bài Tip.Club lúc này không hạch toán vào Công ty V). Hành vi của Lê Văn K có dấu hiệu phạm tội “Tổ chức đánh bạc” với vai trò giúp sức cho Phan Sào N, do vậy đã bị Cơ quan An ninh điều tra khởi tố và đang điều tra, làm rõ ở vụ án khác.

- **Đối với Bùi Thị Ng**, sinh năm 1984 trú tại P804 - CT6 - Khu đô thị Đ, G, Hà Nội: là kế toán phụ trách kinh doanh thẻ viễn thông của Công ty V, ngoài việc làm đầu mối mua bán thẻ viễn thông với Công ty CP L, Bùi Thị Ng còn được giao thực hiện đầu mối mua bán thẻ viễn thông với nhiều công ty, cá nhân khác. Do vậy, khi Phan Sào N giao cho Bùi Thị Ng lập đơn đặt hàng mua mã thẻ viễn thông của Công ty CP L thì Ng đã thực hiện đúng theo quy trình mua bán hàng hóa theo quy trình của Công ty V và các điều khoản trong hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty CP L. Bùi Thị Ng không được Phan Sào N trao đổi, bàn bạc hoặc nói bất cứ thông tin gì với về việc lập đơn hàng “không” để mua hóa đơn GTGT “không” của Công ty CP L.

Trong quá trình liên hệ đặt hàng với Công ty CP L, theo chỉ đạo của Phan Sào N, Bùi Thị Ng có chuyển các thông tin về số tài khoản ngân hàng của các cá nhân kèm theo số tiền cho đầu mối Công ty CP L, nhưng Phan Sào N không giải thích gì về các tài khoản này, nên Bùi Thị Ng không biết các tài khoản cá nhân là của ai và chuyển cho kế toán Công ty CP L để làm gì. Ngoài ra, theo yêu cầu của Phan Sào N, Bùi Thị Ng cung cấp số tài khoản ngân hàng của mình cho Công ty CP L là để nhận lại tiền mã thẻ lỗi và chèn lệnh đơn hàng, sau đó Bùi Thị Ng đều đã chuyển khoản lại vào tài khoản của Công ty V theo chỉ đạo của Phan Sào N.

Mặc dù, hành vi của Bùi Thị Ng có dấu hiệu giúp sức cho Phan Sào N trong việc mua bán hóa đơn trái phép với Công ty CP L, tuy nhiên Bùi Thị Ng không được Phan Sào N trao đổi, bàn bạc và thống nhất bất cứ nội dung gì về việc Công ty V mua bán

hóa đơn “khống” với Công ty CP L. Việc Ng lập đơn đặt hàng, ký biên bản nhận hàng là theo đúng quy trình mua bán hàng của Công ty V. Mặt khác, tất cả các đối tượng liên quan trong Công ty CP L đều khai nhận, trong quá trình giao dịch, họ đều không trao đổi với Bùi Thị Ng bất cứ nội dung gì liên quan đến việc Công ty CP L xuất, bán hóa đơn GTGT “khống” cho Công ty V. Quá trình điều tra xác định: Bùi Thị Ng không được hưởng lợi gì từ việc mua bán trái phép hóa đơn của Phan Sào N. Do đó, hành vi của Bùi Thị Ng không đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại Điều 203 - BLHS. Do vậy, Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Phú Thọ không đề nghị xử lý đối với Bùi Thị Ng.

- **Đối với Đỗ Thị Hồng Y**, sinh năm 1985, trú tại 365, đường A, Phường N, Quận T, TP Hà Nội: là nhân viên kế toán của Công ty CP L phụ trách việc xuất hóa đơn GTGT bán hàng cho khách hàng theo sự chỉ đạo của Nguyễn Thị V - Kế toán trưởng và Hoàn Thị X - Kế toán tổng hợp Công ty CP L. Căn cứ vào đơn đặt hàng của Công ty V do X đưa, Y viết hóa đơn xuất cho Công ty V theo yêu cầu và nhiệm vụ được phân công. Bản thân Công ty CP L là đơn vị kinh doanh mã thẻ viễn thông. Do vậy, việc đặt hàng mua mã thẻ viễn thông và xuất hóa đơn GTGT theo đơn đặt hàng là công việc diễn ra bình thường đối với công ty. Đỗ Thị Hồng Y là kế toán phụ trách việc xuất hóa đơn GTGT bán hàng cho khách hàng, nên Y thực hiện xuất hóa đơn GTGT cho Công ty V theo đúng quy trình chung của Công ty. Mặt khác, Nguyễn Thị V, Hoàn Thị X không trao đổi, bàn bạc hoặc nói bất cứ thông tin gì cho Y biết đó là các hóa đơn “khống” theo chỉ đạo của Nguyễn Trọng T. Quá trình thực hiện Y không tham gia vào việc tiếp nhận thông tin hóa đơn “khống”; không tham gia vào quá trình nộp, rút tiền trả lại cho Công ty V. Hành vi của Đỗ Thị Hồng Y không đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép hóa đơn”. Do vậy, Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Phú Thọ không đề nghị xử lý đối với Đỗ Thị Hồng Y.

- **Đối với Nguyễn Trọng B** sinh năm 1948, trú tại: Phòng 104A6, thị trấn tập thể N, quận Đ, TP Hà Nội; **Nguyễn Văn Th** sinh năm 1985, trú tại: xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; **Đỗ Thành C** sinh năm 1982, trú tại: Phòng 419, nhà N9, khu tập thể 212 K, phường X, quận B, thành phố Hà Nội: là những nhân viên của Công ty cổ phần L, là người làm công ăn lương thực hiện việc rút tiền và nộp tiền vào các tài khoản cá nhân theo chỉ định của Công ty V là theo chỉ đạo của Nguyễn Trọng T, Nguyễn Thị V, Hoàn Thị X và Chu Thị N. Họ không biết nguồn gốc số tiền và mục đích rút tiền, chuyển tiền vào các tài khoản đã được chỉ định, và họ cũng không được hưởng lợi gì. Do đó, hành vi không đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép hóa đơn” nên Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Phú Thọ không đề nghị xử lý đối với Nguyễn Trọng B, Nguyễn Văn Th, Đỗ Thành C.

Tại cơ quan An ninh điều tra, Nguyễn Trọng T, Nguyễn Thị V, Hoàn Thị X, Chu Thị N, Bùi Quốc H đã khai nhận hành vi phạm tội của bản thân. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của Phan Sào N, Phan Thu H, Bùi Thị Ng,

Kim Thanh T, Lê Văn K, Phạm Thanh H1, Nguyễn Trọng B, Nguyễn Văn Th, Đỗ Thành C ... và các tài liệu, chứng cứ khác.

Tạm giữ các đồ vật, tài liệu gồm:

- Số tiền **300.000.000đ** của Nguyễn Thị T (cô ruột của bị can Nguyễn Trọng T) theo Biên bản về việc đặt tiền để bảo đảm ngày 09/9/2019. Cơ quan An ninh điều tra đã nộp số tiền trên vào tài khoản tạm giữ số 3949.0.9044149.00000 của Công an tỉnh Phú Thọ mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Phú Thọ.

- Số tiền **543.290.000đ** của Nguyễn Trọng T theo Biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu ngày 03/10/2019 (BL234). Cơ quan An ninh điều tra đã nộp số tiền trên vào tài khoản tạm giữ số 3949.0.9044149.00000 của Công an tỉnh Phú Thọ tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Phú Thọ.

- 01 ổ cứng di động nhãn hiệu Seagate số P/N 9SD2A3-500 320GB; S/n: 2GHXNBV7; đã qua sử dụng; màu đen của Nguyễn Trọng T (BL211);

- 01 cây máy tính nhãn hiệu DELL, service Tag: 6HZNRK2 theo biên bản khám xét nơi làm việc của Bùi Ngọc H, ngày 23/4/2019.

Tại Cáo trạng số: 06/CT-VKSPT –P2 ngày 20 tháng 01 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ truy tố các bị cáo Nguyễn Trọng T, Nguyễn Thị V, Hoàng Thị X, Chu Thị N, Bùi Ngọc H về tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*”, theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo khai nhận hành phạm tội như cáo trạng đã truy tố.

Kiểm sát viên luận tội xác định đã có đủ căn cứ kết luận các bị cáo: Nguyễn Trọng T, Nguyễn Thị V, Hoàng Thị X, Chu Thị N, Bùi Ngọc H phạm tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*” theo điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị:

- Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự Xử phạt Nguyễn Trọng T từ 300.000.000đ đến 350.000.000đ.

- Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt: Nguyễn Thị V từ 220.000.000đ đến 230.000.000đ; Hoàng Thị X từ 200.000.000đ đến 210.000.000đ; Chu Thị N từ 200.000.000đ đến 210.000.000đ; Bùi Ngọc H từ 200.000.000đ đến 210.000.000đ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền **543.005.000đ** của Nguyễn Trọng T do phạm tội mà có.

- Số tiền 300.000.000đ bảo lãnh được trừ vào hình phạt tiền 300.000.000đ của bị cáo Thắng.

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 ổ cứng di động nhãn hiệu Seagate số P/N 9SD2A3-500 320GB; S/n: 2GHXNBV7 đã qua sử

dụng; màu đen của Nguyễn Trọng T; 01 cây máy tính nhãn hiệu DELL, service Tag: 6HZNRK2 theo biên bản khám xét nơi làm việc của Bùi Ngọc H ngày 23/4/2019.

- Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo tranh luận: Xác định Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ truy tố các bị cáo về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo điểm d, đ khoản 2 Điều 203 của Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng tội. Về mức hình phạt bị cáo Thắng và các bị cáo đều đề nghị xem xét cho các bị cáo bởi ngoài bị cáo Thắng được hưởng lợi trực tiếp từ việc mua bán hóa đơn không thì các bị cáo khác không được hưởng lợi trực tiếp mà chỉ được hưởng thông qua khoản doanh thu và đều là nhân viên của Công ty làm theo sự chỉ đạo của bị cáo Thắng.

Kiểm sát viên giữ nguyên đề nghị về mức hình phạt như luận tội.

Các bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng, pháp luật áp dụng và về những người tham gia tố tụng:

Về tố tụng: Hành vi, quyết định của Cơ quan an ninh Điều tra Công an tỉnh Phú Thọ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các quyết định tố tụng đã được tổng đạt cho các bị cáo đúng thời hạn do pháp luật quy định. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

Về pháp luật áp dụng: Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/NQ-QH ngày 20 tháng 6 năm 2017 về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 của Quốc hội thì hành vi phạm tội của các bị cáo xảy ra và bị khởi tố trước 00 giờ ngày 01/01/2018 (ngày Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành) nhưng sau ngày này mới truy tố, xét xử nên cần áp dụng quy định có lợi cho người phạm tội theo hướng dẫn của Nghị quyết khi xét xử đối với các bị cáo. Cụ thể là: Tội phạm và hình phạt đối với tội “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại Điều 203 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 nhẹ hơn Điều 164a của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 nên Tòa án xét xử các bị cáo về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại Điều 203 của

Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng quy định của pháp luật.

Về sự có mặt của những người tham gia tố tụng khác: Đối với Phan Sào N, Lê Văn K, Phan Thu H, Bùi Thị Ng, Trần Phương H, Đỗ Thị Hồng Y, Nguyễn Trọng B, Nguyễn Văn Th, Đỗ Thành C, Phạm Thanh H1, Nguyễn Thị T vắng mặt. Xét thấy các đối tượng này đã có lời khai trong hồ sơ, các nội dung liên quan đã được điều tra làm rõ. Việc vắng mặt của các đối tượng trên không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án vẫn xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Việc xét xử không vi phạm các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung:

Bị cáo Nguyễn Trọng T là đối tượng liên quan trong vụ án “ Sử dụng mạng Internet thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”, “Tổ chức đánh bạc”, “Đánh bạc”, “Mua bán trái phép hóa đơn”, “Rửa tiền”, “Đưa hối lộ” và “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” do Nguyễn Văn D, Phan Sào N và Hoàng Thành Tr chủ mưu, cầm đầu xảy ra tại tỉnh Phú Thọ và một số tỉnh, thành khác trên phạm vi cả nước. Vụ án đã được Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm ngày 30/11/2018 (Bản án số 55/2018/HS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ), Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm ngày 12/03/2019 (Bản án hình sự phúc thẩm số 110/2019/HS-PT, ngày 12/03/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội). Các bản án đều đã có hiệu lực pháp luật. Trong vụ án này bị cáo T bị khởi tố về tội “ Rửa tiền” nhưng bị cáo đã bỏ trốn bị truy nã, Cơ quan điều tra đã tách ra khi bắt được xử lý sau.

Ngày 06/9/2019 Nguyễn Trọng T ra đầu thú, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Phú Thọ đã phục hồi điều tra. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thay đổi quyết định khởi tố đối với Nguyễn Trọng T. Quyết định khởi tố Nguyễn Trọng T về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo Điều 203 của Bộ luật hình sự năm 2015. Tại cơ quan điều tra bị cáo khai nhận đã cùng với Nguyễn Thị V, Hoàng Thị X, Chu Thị N, Bùi Ngọc H là nhân viên của Công ty CP L thực hiện việc mua, bán hóa đơn cho Công ty V như sau:

Đầu năm 2016 Phan Sào N - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc - Công ty cổ phần VTC truyền thông trực tuyến (*viết tắt là Công ty V*) đã gặp Nguyễn Trọng T - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần L để trao đổi và đề nghị mua hóa đơn giá trị gia tăng “*khống*” (không có hàng hóa) của Công ty CP L để “*xử lý chi phí*” cho Công ty V thông qua hợp đồng đại lý phân phối mã thẻ điện tử và dịch vụ Topup số 0203/2015/HĐKT/V-LG, ngày 14/4/2015 mà hai công ty đã ký và thực hiện từ trước. Phan Sào N và Nguyễn Trọng T thỏa thuận về phương thức thực hiện như sau: Sau khi Công ty V gửi đơn hàng và chuyển khoản tiền thanh toán vào tài khoản của Công ty cổ phần L. Công ty cổ phần L sẽ xuất hóa đơn GTGT “*khống*” theo đơn đặt hàng, sau đó rút séc tiền mặt và chuyển trả lại cho

Phan Sào N theo các số tài khoản cá nhân do Phan Sào N chỉ định. Công ty cổ phần L được hưởng khoảng 0,1% (tỉ lệ % không cố định mà thay đổi theo thời điểm và số lượng hàng hóa) trên tổng doanh số ghi trên hóa đơn GTGT “khống”.

Sau khi thỏa thuận với Phan Sào N, trong khoảng thời gian từ ngày 25/02/2016 đến ngày 30/8/2016, T đã chỉ đạo, phân công nhiệm vụ cho Nguyễn Thị V, Hoàng Thị X, Chu Thị N, Bùi Ngọc H thực hiện việc bán tổng số 49 tờ hóa đơn GTGT “khống” cho Công ty V với tổng doanh số là 740.815.530.000đ. Sau khi nhận tiền thanh toán từ Công ty V, Công ty CP L đã rút tiền mặt và nộp trả lại cho Công ty V thông qua các tài khoản cá nhân do Phan Sào N chỉ định với tổng số tiền là: 740.272.525.000đ. Số tiền còn lại Công ty cổ phần L được hưởng lợi là 543.005.000đ.

Để hợp thức doanh số đầu vào hàng hóa ghi nhận “khống” trên hóa đơn GTGT xuất cho Công ty V và doanh số đầu vào cho hàng hóa là thẻ viễn thông mua trôi nổi trên thị trường không có hóa đơn GTGT, từ tháng 5/2016 đến tháng 7/2017, Nguyễn Trọng T đã chỉ đạo cho Nguyễn Thị V, Hoàng Thị X, Chu Thị N, Bùi Ngọc H mua tổng số 52 tờ hóa đơn GTGT “khống” của Công ty TNHH TM và DV M với tổng giá trị 469.067.233.000đ, trong đó giá trị nâng “khống” thêm là: 381.900.000.000đ. Đối với số hóa đơn GTGT của Công ty TNHH TM và DV M, Công ty CP L không phải trả chi phí.

Hành vi của Nguyễn Trọng T, Nguyễn Thị V, Hoàng Thị X, Chu Thị N, Bùi Ngọc H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép hóa đơn”. Hành vi của các bị cáo đã xâm hại đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước. Là vụ án có đồng phạm, vai trò của các bị cáo trong vụ án cụ thể như sau:

Đối với Nguyễn Trọng T: Bị cáo Nguyễn Trọng T giữ vai trò chính, là chủ mưu. T là người trực tiếp chỉ đạo việc mua, bán 101 hóa đơn GTGT “khống”, trong đó: bán 49 hóa đơn GTGT của Công ty CP L cho Công ty V với tổng doanh số hóa đơn là 740.815.530.000đ và mua 52 hóa đơn GTGT “khống” của Công ty TNHH TM và DV M với tổng doanh số hóa đơn là 469.067.233.000đ. T được hưởng lợi số tiền là 543.005.000đ.

Đối với Nguyễn Thị V, Hoàng Thị X, Chu Thị N và Bùi Ngọc H: Các bị cáo là đồng phạm với Nguyễn Trọng T với vai trò giúp sức, thực hành trong việc mua bán trái phép 101 hóa đơn GTGT “khống” nói trên. Tuy không được hưởng lợi trực tiếp nhưng được hưởng lợi gián tiếp thông qua việc thưởng doanh số bán hàng cuối năm trích từ lợi nhuận kinh doanh của Công ty, trong đó có tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ truy tố các bị cáo về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

**Về hình phạt:*

Đối với bị cáo Nguyễn Trọng T: Bị cáo bị truy nã nhưng tự ra đầu thú, có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính để khắc phục hậu quả; gia đình bị cáo có chú Nguyễn Trọng T là liệt sỹ và bố vợ Nguyễn Kim T là người có công với cách mạng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra phát hiện tội phạm. Bị cáo T đã chủ động khai báo, cung cấp thông tin của đại lý “mrstrang88” trong hệ thống Rickvip, Tip.Club là đại lý cấp 2 của đại lý cấp 1 “Mr Ngọc Tú” do Hoàng Ngọc T quản lý, điều hành để làm rõ về hành vi tổ chức đánh bạc của Hoàng Ngọc T, được Cơ quan An ninh điều tra xác nhận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (CV số 86/ANĐT ngày 18/02/2020), nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Đối với Nguyễn Thị V, Hoàng Thị X, Chu Thị N và Bùi Ngọc H: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Thị V có bố đẻ Nguyễn Cao P là người có công với cách mạng được Nhà nước thưởng Huy chương kháng chiến Hạng nhất. Bị cáo Bùi Ngọc H có mẹ đẻ Bùi Thị T là người có công với cách mạng; H hiện đang điều trị bệnh HIV giai đoạn 3; bị cáo Hoàng Thị X có bố đẻ là ông Hoàng Văn D được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng B; bị cáo Chu Thị N có ông ngoại là Nguyễn Xuân D được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Nhì, nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét thấy, bị cáo T được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b,s, t khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; các bị cáo V, X, N, H đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, nên hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị đối với các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp.

** Về hình phạt bổ sung:* Các bị cáo đều không có tài sản giá trị và đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

**Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp:*

- Số tiền 543.005.000đ (Năm trăm bốn mươi ba triệu không trăm linh năm nghìn đồng) là tiền bị cáo Nguyễn Trọng T do phạm tội mà có sẽ được tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Số tiền 543.290.000đ(Năm trăm bốn mươi ba triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng) của Nguyễn Trọng T đã nộp theo Biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu ngày 03/10/2019

(BL234) hiện đang trong tài khoản tạm giữ số 3949.0.9044149.00000 của Công an tỉnh Phú Thọ tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Phú Thọ được trừ vào số tiền thu lợi bất chính bị cáo Thắng phải nộp và án phí hình sự sơ thẩm. Công an tỉnh Phú Thọ có trách nhiệm chuyển số tiền trên cho Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ để thi hành án.

- Số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) của bà Nguyễn Thị T (cô ruột của bị can Nguyễn Trọng T) nộp theo Biên bản về việc đặt tiền để bảo đảm ngày 09/9/2019. Cơ quan An ninh điều tra đã nộp số tiền trên vào tài khoản tạm giữ số 3949.0.9044149.00000 của Công an tỉnh Phú Thọ mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Phú Thọ sẽ được trả lại cho bà Nguyễn Thị T. Tại Đơn đề nghị ngày 20/01/2020 bà T tự nguyện cho bị cáo T số tiền 300.000.000đ nên số tiền này sẽ được khấu trừ vào hình phạt chính là phạt tiền của bị cáo Thắng. Công an tỉnh Phú Thọ có trách nhiệm chuyển số tiền trên cho Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ để thi hành án.

- 01 ổ cứng di động nhãn hiệu Seagate số P/N 9SD2A3-500 320GB; S/n: 2GHXNBV7; đã qua sử dụng; màu đen của Nguyễn Trọng T (BL211); 01 cây máy tính nhãn hiệu DELL, service Tag: 6HZNRK2 theo biên bản khám xét nơi làm việc của Bùi Ngọc H, ngày 23/4/2019 hiện đang được tạm giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 06/02/2020 là công cụ, phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, còn giá trị sử dụng nên tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

[3] Đối với Phan Sào N, Phạm Thanh H1 và Phan Thu H: Đã bị điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm (Bản án số 55/2018/HS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ), xét xử phúc thẩm (Bản án phúc thẩm số 110/2019/HS-PT, ngày 12/03/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội) nên không đề cập xử lý tại vụ án này.

[4] Đối với Trần Phương H, Bùi Thị Ng, Đỗ Thị Hồng Y, Nguyễn Trọng B, Nguyễn Văn Th và Đỗ Thành C: Do hành vi chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Cơ quan An ninh điều tra, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ không đề cập xử lý là phù hợp.

[5] Đối với Lê Văn K: Hành vi của Lê Văn K chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép hóa đơn”, Cơ quan An ninh điều tra, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ không đề cập xử lý là phù hợp. Hiện Lê Văn K bị khởi tố về tội “Tổ chức đánh bạc” với vai trò giúp sức cho Phan Sào N, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Phú Thọ đang điều tra, làm rõ trong vụ án khác nên không xem xét trong vụ án này.

[6] Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Nguyễn Trọng T, Nguyễn Thị V, Hoàng Thị X, Chu Thị N, Bùi Ngọc H phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

- Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 203, điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Trọng T 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng)

- Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 203, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt:

Nguyễn Thị V 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng)

Hoàng Thị X 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng)

Chu Thị N 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng)

Bùi Ngọc H 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

Không phạt hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[2] Xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp đối với các bị cáo:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Xử lý các vật chứng, tài sản thu giữ, tiền bảo lãnh của các bị cáo như sau:

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 543.005.000đ (Năm trăm bốn mươi ba triệu không trăm linh năm nghìn đồng) của Nguyễn Trọng T là tiền bị cáo do phạm tội mà có. Số tiền 543.290.000đ (Năm trăm bốn mươi ba triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng) của Nguyễn Trọng T đã nộp theo Biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu ngày 03/10/2019 (BL234) hiện đang trong tài khoản tạm giữ số 3949.0.9044149.00000 của Công an tỉnh Phú Thọ tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Phú Thọ được trừ vào số tiền bị cáo T bị tịch thu trên. Số tiền còn lại tạm giữ để đảm bảo thi hành án về án phí hình sự sơ thẩm. Công an tỉnh Phú Thọ có trách nhiệm chuyển số tiền trên cho Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ để thi hành án.

- Số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) của bà Nguyễn Thị T (cô ruột của bị cáo Nguyễn Trọng T) đã nộp theo Biên bản về việc đặt tiền để bảo đảm ngày 09/9/2019 hiện trong tài khoản tạm giữ số 3949.0.9044149.00000 của Công an tỉnh Phú Thọ mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Phú Thọ được trừ vào hình phạt chính là phạt tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) mà bị cáo Nguyễn Trọng T bị tuyên phạt. Công an tỉnh Phú Thọ có trách nhiệm chuyển số tiền trên cho Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ để thi hành án.

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 ổ cứng di động nhãn hiệu Seagate số P/N 9SD2A3-500 320GB; S/n: 2GHXNBV7; đã qua sử dụng; màu đen của Nguyễn Trọng T (BL211); 01 cây máy tính nhãn hiệu DELL, service Tag: 6HZNRK2 theo biên bản khám xét nơi làm việc của Bùi Ngọc H, ngày 23/4/2019 hiện đang được tạm giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ theo

biên bản bàn giao vật chứng ngày 06/02/2020 giữa Cơ quan An ninh Điều tra Công an tỉnh Phú Thọ và Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

[3] Án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc các bị cáo Nguyễn Trọng T, Nguyễn Thị V, Hoàng Thị X, Chu Thị N, Bùi Ngọc H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân nhân dân Cấp cao tại Hà Nội để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Công an tỉnh Phú Thọ;
- THAHS, DS, STP tỉnh Phú Thọ;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Việt Tiến